

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày 22- 01-2018

V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Xuân Thường

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Phương

2. Ông Nguyễn Bá Thịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa:
Ông Ma Quang Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 297/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Thị T

Địa chỉ: Tổ T, ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

Bị đơn: Ông Đào Thành N

Địa chỉ: Tổ T, ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Tạ Thị T trình bày:

Bà và ông Đào Thành N tự nguyện chung sống như vợ chồng từ tháng 02/2009 đến tháng 11/2014, nhưng không đăng ký kết hôn. Lý do ông bà không tiến hành đăng ký kết hôn là vì ông N không đồng ý.

Ông bà chung sống hạnh phúc trong khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông bà bất đồng quan điểm sống, ông N uống rượu thường về nhà đánh đập bà. Tháng 7 năm 2015, ông N đuổi bà và hai con ra khỏi nhà. Kể từ đó bà phải một mình lo cho hai con mà không được ông N trợ cấp. Nay bà yêu cầu Tòa án tuyên bà và ông N không phải là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là cháu Đào Ngọc T, sinh ngày 30/6/2012 và Đào Ngọc C, sinh ngày 09/12/2013. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.0000 đồng/con (3.000.000 đồng/2 con/ tháng). Lý do bà xin trực tiếp nuôi con do từ khi bà và ông N không chung sống với nhau hai con do bà trực tiếp chăm sóc, hai cháu T và C là con gái nên cần có mẹ chăm sóc sẽ tốt hơn, bên cạnh đó bà có công việc và chỗ ở ổn định. Ông N hiện nay đã lập gia đình, từ ngày ông bà không chung sống với nhau ông N không quan tâm và không chu cấp gì cho hai con.

Tại đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình tố tụng bà yêu cầu ông N trả cho bà số tiền đã vay là 200.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền không có thể chấp tài sản được công chứng tại Văn phòng công chứng T. Nhưng nay bà xin rút yêu cầu này do khoản vay chưa đến hạn thanh toán.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Đào Thành N trình bày:

Ông và bà Tạ Thị T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống ông bà sinh được hai người con là cháu Đào Ngọc T, sinh ngày 30/6/2012 và Đào Ngọc C, sinh ngày 09/12/2013. Ông và bà T chung sống với nhau được ba năm thì xảy ra mâu thuẫn. Khi xảy ra mâu thuẫn bà T và ông vẫn sống chung nhưng đến năm 2014 thì ông bà tách ra riêng sống. Từ năm 2014 cho đến nay hai con T và C đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay ông đã lập gia đình. Ông làm kinh doanh thu nhập mỗi tháng khoảng 70.000.000 đến 100.000.000 đồng.

Nay bà T yêu cầu Tòa án tuyên ông và bà T không phải là vợ chồng thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Ngọc C và đồng ý giao cháu Đào Ngọc T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông bà không cấp dưỡng nuôi con. Lý do ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con do bà T không có trách nhiệm với con cái, bà T lo làm kinh tế nên con thường ốm đau.

Ông xác nhận ông có vay bà T số tiền 200.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền không có thể chấp tài sản được công chứng tại Văn phòng công chứng T, số công chứng X quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/01/2015. Nay bà T xin rút yêu cầu về việc trả nợ này do chưa đến hạn trả tiền thì ông đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đang cư trú tại huyện T, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu và tranh chấp giữa bà T, ông N là Tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc những vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Tạ Thị T và ông Đào Thành N là tự nguyện chung sống với nhau, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng ông bà không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N là không hợp pháp, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quyền lợi của con chung được giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Tạ Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Đào Thành N là vợ chồng. Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố không công nhận bà Tạ Thị T và ông Đào Thành N là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là cháu Đào Ngọc T, sinh ngày 30/6/2012 và Đào Ngọc C, sinh ngày 09/12/2013.

Bà T xin được trực tiếp nuôi con hai con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.0000 đồng (3.000.000 đồng/2 con/ tháng).

Ông Đào Thành N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Đào Ngọc C, sinh ngày 09/12/2013 và đồng ý giao cháu Tiên cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông bà không ai cấp dưỡng nuôi con.

Đối với yêu cầu về con chung của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy, từ ngày ông N và bà T không còn chung sống với nhau, bà T là người trực tiếp nuôi con, ông N hiện nay đã có gia đình, cháu T và cháu C là con gái lại đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu này đảm bảo được sự ổn định trong cuộc sống, đảm bảo cho hai con chung phát triển về tâm sinh lý nên chấp nhận giao hai con Đào Ngọc T, sinh ngày 30/6/2012 và Đào Ngọc C, sinh ngày 09/12/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Đối với yêu cầu về cấp dưỡng của bà T, Hội đồng xét xử thấy, hiện nay ông N có công việc và thu nhập ổn định, ông N xác nhận hiện làm kinh doanh, thu nhập từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng/ tháng. Do đó để đảm bảo quyền lợi của hai con cần chấp nhận yêu cầu ông Đào Thành N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.0000 đồng/con (3.000.000 đồng/2 con/ tháng). Việc cấp dưỡng bắt đầu khi bản án có hiệu lực đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu buộc ông Đào Thành N trả cho bà Tạ Thị T số tiền đã vay là 200.000.000 đồng.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Tạ Thị T nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông Đào Thành N nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị T đối với ông Đào Thành N.

Tuyên bố không công nhận bà Tạ Thị T và ông Đào Thành N là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là cháu Đào Ngọc T, sinh ngày 30/6/2012 và Đào Ngọc C, sinh ngày 09/12/2013.

Giao hai con Đào Ngọc T, sinh ngày 30/6/2012 và Đào Ngọc C, sinh ngày 09/12/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.0000 đồng/con (3.000.000 đồng/2 con/tháng). Việc cấp dưỡng bắt đầu khi bản án có hiệu lực đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của các con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

Đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu buộc ông Đào Thành N trả cho bà Tạ Thị T số tiền đã vay là 200.000.000 đồng.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Tạ Thị T nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000V ngày 14/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hoàn lại cho bà Tạ Thị T số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 000X ngày 26/10/2017 của Chi cục thi hành án

dân sự huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Đào Thành N nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/01/2018) các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT
- VKSND huyện Tân Thành;
- Chi cục THADS huyện Tân Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Xuân Thường